

ĐỀ A

Phần I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 6; m\}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $1 \in A$ B. $6 \notin A$ C. $4 \in A$ D. $2 \notin A$

Câu 2: Chữ số 1 trong số 26012 có giá trị là

- A. 1 B. 10 C. 100 D. 1000

Câu 3: 3^4 có giá trị là

- A. 12 B. 64 C. 81 D. 7

Câu 4: Kết quả của phép tính $5^6 : 5^3$ viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 5^2 B. 5^3 C. 1^2 D. 1^3

Câu 5: Kết quả của phép tính $12^5 \cdot 12$ viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 12^5 B. 12^4 C. 12^{13} D. 12^6

Câu 6: Tổng $13.45 + 29.13$ chia hết cho số nào sau đây?

- A. 10 B. 9 C. 13 D. 20

Câu 7: Số nào sau đây chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 3?

- A. 225 B. 410 C. 360 D. 108

Câu 8: Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 9 B. 29 C. 15 D. 21

Câu 9: Dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của số 18 là

- A. 3.6 B. $2^2 \cdot 3^2$ C. 2.9 D. 2.3^2

Câu 10: Tập hợp các ước của 6 là

- A. $\{1; 3; 6\}$ B. $\{1; 3; 6; 9\}$ C. $\{1; 2; 3; 6\}$ D. $\{0; 1; 2; 3; 6\}$

Câu 11: Trong hình bình hành **không có** tính chất nào sau đây?

- A. 2 cạnh đối bằng nhau B. 2 góc đối bằng nhau
C. 2 cạnh đối song song D. bốn cạnh bằng nhau

Câu 12: Hình chữ nhật có chiều dài là a (cm), chiều rộng b (cm) thì chu vi là

- A. $a + b$ (cm) B. $2(a + b)$ (cm) C. $2.a.b$ (cm) D. $a.b$ (cm)

Phần II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Bài 1. (1.5 đ)

a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 4 và nhỏ hơn 10

b) Tìm chữ số x, biết số $\overline{45x1}$ chia hết cho 9

Bài 2. (2.0 đ)

a) Thực hiện phép tính $50 : 2 - 2^3 : 8 + 3^2.4$

b) Tìm số tự nhiên x, biết $3x - 5 = 13$

c) Tìm ƯCLN(36, 84)

Bài 3. (1.0 đ)

Bạn Bình mua 13 quyển vở, 6 cây bút bi và 1 bộ thước kẻ hết 110 000 đồng. Biết giá 1 quyển vở là 6 000 đồng, giá 1 bộ thước kẻ là 8 000 đồng. Hỏi giá 1 cây bút bi là bao nhiêu tiền?

Bài 4. (1.5 đ)

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 11 m, chiều rộng 7 m.

a) Tính diện tích khu đất?

b) Người ta muốn xây một hàng gạch ống nằm ngang bao quanh khu đất, biết chiều dài một viên gạch là 18 cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch thì xây đủ?

Bài 5. (1.0 đ) Tìm $x \in \mathbb{N}$, biết $3^x + 3^{x+1} + 3^{x+2} = 351$

Bài làm

I. Trắc nghiệm (3.0 đ)

[illegible]

II. Tư luận (7.0 đ)

This image shows a full page of dot grid paper. It features a series of evenly spaced horizontal dotted lines across the entire width of the page. A single, solid black vertical line runs from the top edge to the bottom edge, positioned exactly in the middle of the page. This line divides the page into two equal halves, creating a central column and two side columns. The background is white, and the dots are small and dark gray or black. There is no handwriting or other markings on the page.

ĐỀ B

Phần I. TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 6; m\}$. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $2 \in A$ B. $3 \notin A$ C. $5 \in A$ D. $6 \notin A$

Câu 2: Chữ số 1 trong số 26120 có giá trị là

- A. 1 B. 10 C. 100 D. 1000

Câu 3: 4^3 có giá trị là

- A. 12 B. 64 C. 81 D. 7

Câu 4: Kết quả của phép tính $9^6 : 9^5$ viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 9 B. 9^{11} C. 1 D. 1^{11}

Câu 5: Kết quả của phép tính $11^5 \cdot 11$ viết dưới dạng lũy thừa là

- A. 11^3 B. 11^4 C. 11^5 D. 11^6

Câu 6: Tổng $7.45 + 7.13$ chia hết cho số nào sau đây?

- A. 45 B. 13 C. 7 D. 3

Câu 7: Số nào sau đây chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 3?

- A. 252 B. 405 C. 108 D. 415

Câu 8: Số nào sau đây là số nguyên tố?

- A. 9 B. 19 C. 39 D. 49

Câu 9: Dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của số 12 là

- A. 3.4 B. 2.3^2 C. $2^2.3$ D. 2.6

Câu 10: Tập hợp các ước của 10 là

- A. $\{1; 2; 5\}$ B. $\{1; 2; 5; 10\}$ C. $\{0; 1; 2; 5; 10\}$ D. $\{0; 1; 2; 5\}$

Câu 11: Trong hình bình hành **không có** tính chất nào sau đây?

- A. 2 cạnh đối bằng nhau B. 2 góc đối bằng nhau
C. 2 cạnh đối song song D. bốn cạnh bằng nhau

Câu 12: Hình vuông có độ dài cạnh là a (cm) thì diện tích là

- A. $4a$ (cm²) B. $2a$ (cm²) C. a^2 (cm²) D. $2 + a$ (cm²)

Phần II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Bài 1. (1.5 đ)

a) Viết tập hợp B các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 6

b) Tìm chữ số x, biết số $\overline{4x21}$ chia hết cho 9

Bài 2. (2.0 đ)

a) Thực hiện phép tính $30 : 2 - 3^3 : 27 + 2^3.5$

b) Tìm số tự nhiên x, biết $5x - 3 = 12$

c) Tìm ƯCLN(90, 72)

Bài 3. (1.0đ)

Bạn Bình mua 14 quyển vở, 4 cây bút bi và 1 bộ thước kẻ hết 112 000 đồng. Biết giá 1 quyển vở là 6 000 đồng, giá 1 bộ thước kẻ là 12 000 đồng. Hỏi giá 1 cây bút bi là bao nhiêu tiền?

Bài 4. (1.5 đ)

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 8 m, chiều rộng 10 m.

a) Tính diện tích khu đất?

b) Người ta muốn xây một hàng gạch ống nằm ngang bao quanh khu đất, biết chiều dài một viên gạch là 18 cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch thì xây đủ?

Bài 5. (1.0 đ) Tìm $x \in \mathbb{N}$, biết $3^x + 3^{x+1} + 3^{x+2} = 117$

Bài làm

I. Trắc nghiệm (3.0 đ)

[illegible]

II. Tư luận (7.0 đ)

This image shows a full page of dot grid paper. It features a series of evenly spaced horizontal dotted lines across the entire width. A single, solid black vertical line runs from the top to the bottom of the page, positioned exactly in the middle to create two equal-width columns. The background is white, and there are no margins or other markings present.

Đề A

I. Trắc nghiệm (3.0 đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Kq (A)	A	B	C	B	D	C	B	B	D	C	D	B
(B)	A	C	B	A	D	C	D	B	C	B	D	C

II. Tự luận (7.0 đ)

Bài	Nội dung	Điểm
1a	$A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$	0.75
1b	$4 + 5 + x + 1 : 9$ $10 + x : 9$ Vì $x \in \mathbb{N}$ và $0 \leq x \leq 9$ Suy ra $x = 8$	0.25 0.25 0.25
2a	$= 50.2 - 8: 8 + 9.4$ $= 100 - 1 + 36$ $= 99 + 36$ $= 135$	0.5 0.25 0.25
2b	$3x = 13 + 5$ $3x = 18$ $x = 6$	0.25 0.25
2c	$36 = 2^2.3^2$ $84 = 2^2.3.7$ $ƯCLN(36, 84) = 2^2.3 = 12$	0.25 0.25
3	Số tiền mua vở và thước là: $13.6000 + 8 = 86000$ (đồng) Số tiền mua bút bi: $110000 - 86000 = 24000$ (đồng) Vậy giá một cây bút bi là $24 : 6 = 4000$ (đồng)	0.25 0.25 0.5
4a	Diện tích khu đất là: $11.7 = 77$ (m ²)	0.75
4b	Chu vi hình chữ nhật chính là chiều dài hàng gạch bao quanh khu đất: $(11+7).2 = 36$ m Vậy số viên gạch cần để xây đủ đường bao là $36 : 0,18 = 200$ viên	0.25 0.5
5	$3^x.1 + 3^x.3 + 3^x.3^2 = 351$ $3^x.(1 + 3 + 3^2) = 351$ $3^x.13 = 351$ $3^x = 27$ $x = 3$	0.25 0.25 0.25 0.25

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: TOÁN – LỚP: 6 . THỜI GIAN: 60 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiểm thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				NB	TH	VDT	VDC
1	Chủ đề: Tập hợp các số tự nhiên	Tập hợp. Cách ghi số tự nhiên	- Biết các kí hiệu - Nhận biết giá trị của chữ số trong một số tự nhiên - Viết được tập hợp theo yêu cầu đề bài.	2TN 1TL			
		Các phép toán trên tập hợp N. Thứ tự thực hiện các phép tính.	Nhận biết các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích thương hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của một lũy thừa). - Mô tả được thứ tự thực hiện phép tính, tìm x - Vận dụng thấp: Vận dụng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia vào giải bài toán thực tế Vận dụng cao: Vận dụng công thức nhân hai lũy thừa cùng cơ số vào giải toán tìm x	3TN	2TL	1 TL	1TL
2	Chủ đề: Tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Ước-ƯCLN	Quan hệ chia hết. Dấu hiệu chia hết. Số nguyên tố. Ước chung và ước chung lớn nhất	Nhận biết: Một số chia hết cho 2, 3, 5, 9; một tổng chia hết cho một số. - Nhận biết số nguyên tố, bội và ước của một số; - Dạng phân tích ra thừa số nguyên tố Thông hiểu: - Hiểu được dấu hiệu chia hết cho 9 để tìm chữ số thỏa mãn đk cho trước - Tìm ƯCLN của hai số cho trước	4TN	1TN 2TL		
3	Chủ đề: Một số hình phẳng trong thực tiễn		Nhận biết: - Các yếu tố cơ bản của hình bình hành - Công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học Hiểu cách tính diện tích hình chữ nhật với kích thước cho trước	2TN	1 TL		
			Vận dụng thấp: Vận dụng chu vi hình chữ nhật vào giải quyết bài toán thực tế.			1TL	
Tổng				12	6	2	1
Tỉ lệ %				35%	37.5%	17.5%	10%
Tỉ lệ chung				72.5%		27.5%	

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2022- 2023
MÔN: TOÁN - LỚP: 6 (thời gian làm bài 60 phút- không kể thời gian giao đề)

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Thấp		Cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chủ đề 1: Tập hợp. Tập hợp các số tự nhiên.	- Biết viết tập hợp, các kí hiệu - Nhận biết giá trị của chữ số trong một số tự nhiên								
Số câu	2	1							3
Số điểm	0,5	0.75							1.25
Chủ đề 2: Các phép toán trên tập N. Thứ tự thực hiện các phép tính.	Biết giá trị của một lũy thừa, các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.		Thông hiểu: - Mô tả được thứ tự thực hiện phép tính, giải toán tìm x		Vận dụng vào giải bài toán thực tế		Vận nhân hai lũy thừa cùng cơ số vào giải toán tìm x		
Số câu	3			2		1		1	7
Số điểm	0.75			1.5		1.0		1.0	4,25
Chủ đề 3: Tính chất chia hết của một tổng. Dấu hiệu chia hết. ƯC,ƯCLN	Biết một số chia hết cho 2, 3, 5, 9. Nhận biết số nguyên tố, ước của một số, dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của một số tự nhiên		Hiểu tính chất chia hết của một tổng Tìm ƯCLN của hai số cho trước Hiểu dấu hiệu chia hết để tìm chữ số thỏa mãn đk cho trước						
Số câu	4		1	2					7
Số điểm	1.0		0.25	1.25					2,5
Chủ đề 4: Một số hình phẳng trong thực tiễn.	Nhận biết được các tính chất cơ bản của hình bình hành Công thức tính chu vi hcn, diện tích hình vuông		Tính diện tích khu đất hình chữ nhật		Vận dụng vào bài toán thực tế				
Số câu	2			1		1			4
Số điểm	0.5			0.75		0.75			2.0
TS câu	12		6		2		1		21
TS điểm	3,5		3,75		1,75		1,0		10,0
Tỉ lệ	35%		37,5%		17,5%		10%		100%

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TỔ TRƯỞNG

NHÓM TRƯỞNG

GV RA ĐỀ

Trương Văn Chín

Đỗ Văn Mãi

Hoàng Thị Quý

Hoàng Thị Quý

